

Số: 8256/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 02 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 01/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		509	Giảm (31,9%)	49.890
Đang điều trị (17.136)	<i>Tầng 3</i>	12	Tăng (9,1%)	143
	<i>Tầng 2</i>	388	Giảm (7,2%)	5.857
	<i>Tầng 1</i>	302	Tăng (69,7%)	6.021
	<i>Khác</i>			5.115
Khỏi bệnh**		401	Giảm (24,2%)	32.295
Tử vong*		06	Tăng (0,0%)	459

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

**Bổ sung danh sách 5.087 tường hợp đã được điều trị khỏi do các địa phương báo cáo. Đang tiếp tục tổng hợp bổ sung.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	20.740	Tăng (14,5%)	3.003.937
Dương tính	1.474 (509 ca mới, 965 theo dõi điều trị)	Giảm (18,0%)	112.985
Âm tính	18.987	Tăng (17,4%)	2.872.046

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 04 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Stry Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa, PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch..

- Trong ngày có 1.797/18.119 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 7,1%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	211	9.406	24.029	33.435
Cách ly tại nhà	275	12.938	55.276	68.214
Theo dõi sức khỏe	180	5.975	21.742	27.717

Trong ngày: 165 F1 (cộng dồn 22.203), 60 F2 (cộng dồn 31.862)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.700 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 27 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.673 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 04 ca, lũy kế 2.136 ca F0/145.264 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T (có 01 ca là bảo vệ của doanh nghiệp không thực hiện 3T)
- DN có F0 trong ngày: 03 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 74/1.152 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+ Cty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – KCN Biên Hòa I: 01 ca F0 là nhân viên bốc xếp của Công ty dịch vụ làm 3T tại Công ty; nguồn lây từ tài xế giao nhận hàng hóa.

+ Công ty TNHH Giấy Tiến Nam – KCN Biên Hòa I: 02 ca F0 chuyển từ F1.

+ Cty TNHH Wooree Vina – KCN Nhơn Trạch I: có 01 ca F0 chuyển từ F1.

- Điều trị khỏi: 1.539/2.136 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 72,05%

- Đang điều trị: 597 ca, chiếm 27,95%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 49.890 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 401 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 06 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 129 ca là phụ nữ đang mang thai, 3.091 ca dưới 18 tuổi, 417 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 36 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

+ 35 ca thở máy xâm lấn

+ 01 ECMO

- 369 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);

- 3.593 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 8.108 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trống 6.859 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trống 3.304 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trống 243 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;

- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 509 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 05 ca sàng lọc trong cộng đồng, 50 ca trong khu phong tỏa và 454 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 05 ca trong cộng đồng: Long Thành (02), Biên Hòa (01), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (01).

- .01 ca ngụ tại tổ 20, khu phố 3A, phường Trảng Dài, Biên Hòa. Phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cộng đồng. Đang điều tra dịch tễ.

- 01 ca ngụ tại ấp 7 xã An Phước, Long Thành. Phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cộng đồng. Đang điều tra dịch tễ.

- 01 ca ngụ tại ấp Hàng Gòn, xã Lộc An, Long Thành. Phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cộng đồng. Đang điều tra dịch tễ.

- 01 ca ngụ tại tổ 12, khu phố 5, TT Vĩnh An, Vĩnh Cửu. Phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cộng đồng. Đang điều tra dịch tễ.

- 01 ca ngụ tại ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh, Trảng Bom. Ngày 22/9 làm làm việc "3 tại chỗ" tại công ty Triệu Ân (Quang Tiến, Trảng Bom). Ngày 25/9/2021 trở về nhà, khoog đi đâu, tiếp xúc người trong gia đình. Ngày 26/9 test nhanh kết quả âm tính, quay lại công ty làm việc. Ngày 29/9 có biểu hiện sốt, ho, thực hiện test nhanh kết quả dương tính với SARS-CoV-2.

+ 50 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại Hiệp Phước (17) – Nhơn Trạch

- Hiện còn 21 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Trảng Bom; các phòng xét nghiệm ghi nhận 279 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Biên Hòa 82 (35 trường hợp test nhanh dương tính), Nhơn Trạch 55, Trảng Bom 36, Tân Phú 22, Cẩm Mỹ 09 (06 trường hợp test nhanh dương tính), Long Khánh 02.

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 02 tàu, 40 người.

- Cộng dồn: 1.147 tàu, 21.454 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9, 10, 11

- **Tổng số tiêm trong ngày: 71.670 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 61.675 người; Mũi 2: 9.995 người.

- Tiến độ theo Kế hoạch: Đợt 9 đạt 4,95% (chưa nhận 300.000 liều vắc xin Sinopharm), đợt 10 đạt 58,69%, đợt 11 đạt 29,73%.

- Số liều vắc xin còn lại: 224.575 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **2.048.289 liều** vắc xin COVID-19 cho **1.849.909 người** (chiếm tỉ lệ **82,07%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có **198.380 người** đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ **8,80%**).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 11959/UBND-KGVX ngày 30/9/2021 về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp để từng bước phục hồi hoạt động KTXH đảm bảo công tác phòng, chống dịch trong tình hình mới;

- Triển khai Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021**;

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra

thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 05 ca trong cộng đồng tại Long Thành (02), Biên Hòa (01), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (01).
- Số ca nhiễm trong khu phong tỏa giảm mạnh qua các đợt xét nghiệm thân tốc bóc tách, toàn tỉnh ghi nhận 50 ca trong ngày nhiều nhất tại Hiệp Phước (17) – Nhơn Trạch
- Tỷ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 82,07%, mũi 2 là 8,80%.
- Cập nhật đánh giá mức độ nguy cơ lây nhiễm COVID-19 trên địa bàn tỉnh:
 - + Tỉnh Đồng Nai ở mức nguy cơ cao (không đổi)
 - + Cấp huyện/thành phố: 01 nguy cơ rất cao (Biên Hòa), 03 nguy cơ cao (Trảng Bom, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu), 02 nguy cơ (Tân Phú, Long Thành), 05 bình thường mới (Thống Nhất, Xuân Lộc, Định Quán, Cẩm Mỹ, Long Khánh)
 - + Cấp xã/phường: 16 nguy cơ rất cao, 19 nguy cơ cao, 21 nguy cơ, 114 bình thường mới.

IV. Kiến nghị

- Các địa phương tăng cường quan tâm chỉ đạo, thực hiện nghiêm, kịp thời việc thống kê, báo cáo số liệu (ca mắc, xuất viện, điều tra truy vết,...) trên địa bàn nhằm phản ánh rõ thực trạng, cập nhật tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.
- Các địa phương nguy cơ cao, rất cao tiếp tục xây dựng triển khai xét nghiệm thân tốc bóc tách triệt để nguồn lây tại các điểm nguy cơ đã được khoanh vùng sau Kế hoạch xét nghiệm thân tốc 11456/UBND-KGVX ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh.
- Các địa phương theo dõi sát tình hình địa bệnh trên địa bàn, thường xuyên tổ chức đánh giá chính xác mức độ nguy cơ để thu hẹp tối đa vùng phong tỏa, triển khai áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, kịp thời.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.
- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.
- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.
- Thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm

bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

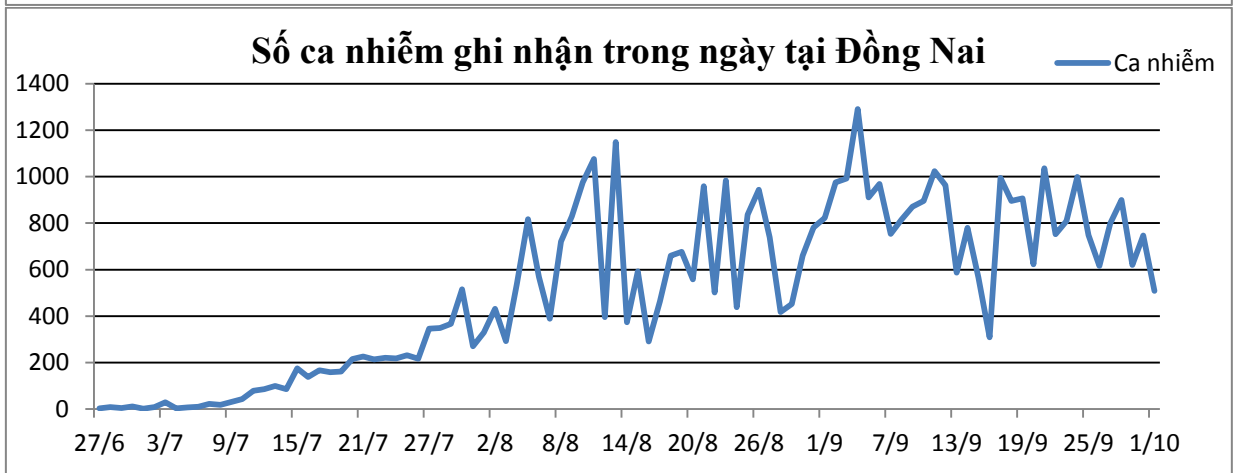
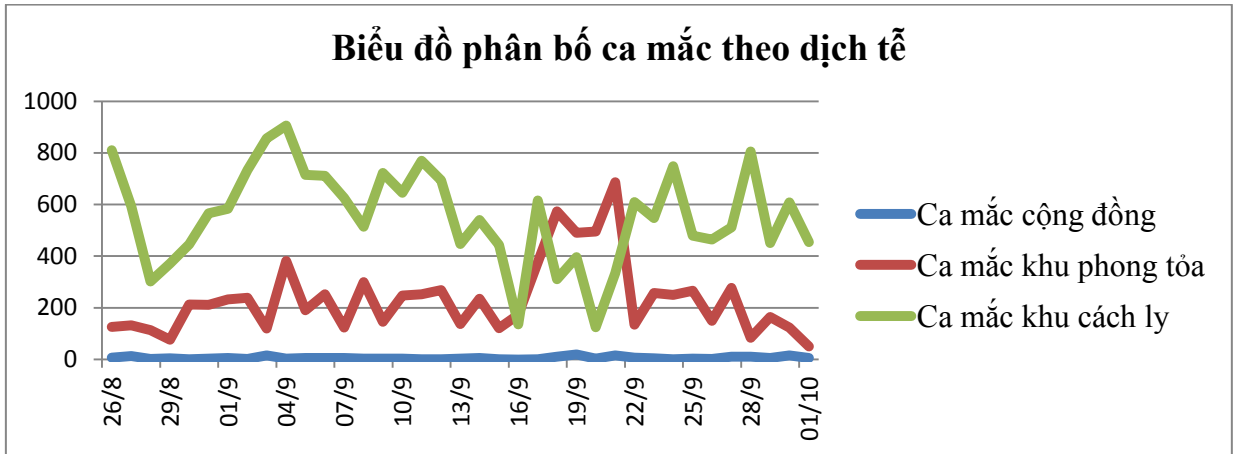
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	297	-34,7%	1	294	2	20736
2	Nhon Trạch	131	-22,5%	0	107	24	12177
3	Vĩnh Cửu	38	26,7%	1	30	7	9637
4	Trảng Bom	21	-66,1%	1	11	9	4288
5	Long Thành	16	100,0%	2	8	6	1005
6	Thống Nhất	4	300,0%	0	2	2	529
7	Long Khánh	0	-100%	0	0	0	335
8	Xuân Lộc	0	-	0	0	0	313
9	Định Quán	0	-	0	0	0	253
10	Cẩm Mỹ	2	-	0	2	0	213
11	Tân Phú	0	-100%	0	0	0	39
12	Ngoại tỉnh, khác	0	-100%	0	0	0	333
Tổng cộng		509	-31,9%	5	454	50	49.858



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)							
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng			Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó		
						Cộng Đồng	Khu nhà trọ		
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (16)									
1	Biên Hòa	198	0	195	2	1			
1.1	<i>Bửu Hòa</i>	14		14					
1.2	<i>Hố Nai</i>	17		17					
1.3	<i>Long Bình</i>	45		45					
1.4	<i>Long Bình Tân</i>	2		2					
1.5	<i>Quang Vinh</i>	12		12					
1.6	<i>Tam Phước</i>	55		55					
1.7	<i>Tân Hòa</i>	14		14					
1.8	<i>Tân Vạn</i>	11		11					
1.9	<i>Trảng Dài</i>	28		25	2	1	1		
2	Nhơn Trạch	108	0	87	21	0			
2.1	<i>Hiệp Phước</i>	64		47	17				
2.2	<i>Phước Thiện</i>	44		40	4				
3	Tân Phú	0	0	0	0	0	0		
3.1	<i>Phú Lâm</i>	0							
4	Trảng Bom	0	0	0	0	0			
4.1	<i>Hố Nai 3</i>	0							
4.2	<i>Sông Trầu</i>	0							
5	Vĩnh Cửu	1	0	0	1	0			
5.1	<i>Thanh Phú</i>	1			1				
5.2	<i>Thiện Tân</i>	0							

NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (19)									
1	Biên Hòa	60	0	60	0	0			
1.1	<i>An Bình</i>	4		4					
1.2	<i>Hóa An</i>	0							
1.3	<i>Tam Hiệp</i>	6		6					
1.4	<i>Tam Hòa</i>	3		3					
1.5	<i>Tân Biên</i>	45		45					
1.6	<i>Tân Mai</i>	2		2					
2	Long Thành	4	0	3	0	1			
2.1	<i>An Phước</i>	4		3		1	1		
2.2	<i>Tam An</i>	0							
2.3	<i>TT Long Thành</i>	0							
3	Nhơn Trạch	5	0	2	3	0			
3.1	<i>Đại Phước</i>	3			3				
3.2	<i>Phú Hội</i>	2		2					
4	Tân Phú								
4.1	<i>Phú Thanh</i>								
5	Trảng Bom	8	0	4	4	0			
5.1	<i>Bắc Sơn</i>	8		4	4				
5.2	<i>Bình Minh</i>	0							
5.3	<i>Thanh Bình</i>	0							
6	Vĩnh Cửu	36	0	29	6	1			
6.1	<i>Phú Lý</i>	0							
6.2	<i>TT Vĩnh An</i>	30		23	6	1	1		
6.3	<i>Vĩnh Tân</i>	6		6					
7	Xuân Lộc	0	0	0	0	0			
7.1	<i>Xuân Hòa</i>	0							
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (21)									
1	Biên Hòa	31	0	31	0	0			
1.1	<i>Bình Đa</i>	4		4					

1.2	<i>Bửu Long</i>	1		1					
1.3	<i>Hiệp Hòa</i>	1		1					
1.4	<i>Phước Tân</i>	8		8					
1.5	<i>Quyết Thắng</i>	0							
1.6	<i>Tân Hiệp</i>	7		7					
1.7	<i>Tân Phong</i>	8		8					
1.8	<i>Thống Nhất</i>	1		1					
1.9	<i>Trung Dũng</i>	1		1					
2	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0			
2.1	<i>Xuân Tây</i>	0							
3	Long Khánh	0	0	0	0	0			
3.1	<i>Xuân Tân</i>	0							
4	Long Thành	5	0	0	5	0			
4.1	<i>Bình Sơn</i>	0							
4.2	<i>Long An</i>	0							
4.3	<i>Phước Thái</i>	5			5				
5	Nhơn Trạch	1	0	1	0	0			
5.1	<i>Phú Đông</i>	1		1					
5.2	<i>Phú Hữu</i>	0							
6	Thống Nhất	0	0	0	0	0			
6.1	<i>TT Dầu Giây</i>	0							
7	Trảng Bom	11	0	6	5	0			
7.1	<i>Giang Điền</i>	5		5					
7.2	<i>Trung Hòa</i>	0							
7.3	<i>TT Trảng Bom</i>	6		1	5				
8	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0			
8.1	<i>Tân An</i>	0							
BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (114)									
1	Biên Hòa (06)								
1.1	<i>An Hòa</i>			8					

2	Cẩm Mỹ (12)								
2.1	<i>Sông Ray</i>			1					
2.2	<i>Xuân Đông</i>			1					
3	Định Quán (14)								
4	Long Khánh (14)								
5	Long Thành (08)								
5.1	<i>Bàu Cạn</i>			1					
5.2	<i>Bình An</i>			1					
5.3	<i>Lộc An</i>		1						
5.4	<i>Phước Bình</i>			3	1				
6	Nhơn Trạch (06)								
6.1	<i>Phú Thạnh</i>			1					
6.2	<i>Phước Khánh</i>			1					
6.3	<i>Vĩnh Thanh</i>			15					
7	Tân Phú (16)								
8	Thống Nhất (09)								
8.1	<i>Xuân Thiện</i>			2					
9	Trảng Bom (09)								
9.1	<i>Đồi 61</i>			1					
9.2	<i>Quảng Tiến</i>		1						
10	Vĩnh Cửu (06)								
10.1	<i>Tân Bình</i>			1					
11	Xuân Lộc (14)								

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 mới ghi nhận

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	Đ.T.H		1959	BVTN	Kp 2- phường Tam Hòa- Biên Hòa	01/10/2021	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS - CoV -2- Tăng huyết áp- Đái tháo đường type 2- giảm Albumin máu- Tồn thương thận cấp
02	P.T.B		1949	BVTN	khu phố 5a, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa	01/10/2021	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS - CoV -2- Tăng huyết áp- GERD.
03	N.T.H		1966	BVTN	Long Bình, thành phố Biên Hòa	01/10/2021	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SAR - CoV -2- Nhiễm trùng huyết- Tăng huyết áp
04	Đ.T	1987		BVDN	P. Long Bình, TP Biên Hòa	30/9/2021	Đa chấn thương / Nhiễm COVID-19/ Tụ thương
05	N.V.Đ	1980		BVDN	KP8 Hồ Nai, TP Biên Hòa	01/10/2021	Tử vong do Ngưng tuần hoàn, suy hô hấp -Viêm phổi mức Nhiễm SARS-CoV-2 mức độ nguy kịch/ Viêm phổi nặng/ báo phì
06	S.T.L		1955	BVDN	Áp 3, Hiệp Phước, Nhơn Trạch	01/10/2021	Tử vong do Ngưng tuần hoàn, suy hô hấp -Viêm phổi mức Nhiễm SARS-CoV-2 mức độ nặng/ Tồn thương thận cấp

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Thực nhận	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.271	254	8.152	8	28.980	28.980	122,58%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	21.000	118,66%
Đợt 4	342.087	298.398	43.689	1.901	8	316.160	316.160	108,20%
Đợt 5	173.050	146.522	26.528	2.188	0	157.000	157.000	110,22%
Đợt 6	279.507	276.914	2.593	9	0	265.210	265.210	105,39%
Đợt 7	675.275	673.995	1.280	6.781	0	686.590	686.590	98,35%
Đợt 8	315.311	301.500	13.811	428	0	307.250	307.250	102,62%
Đợt 9	15.469	15.014	455	0	0	312.500	12.500	4,95%
Đợt 10	100.222	12.047	88.175	96	0	170.760	170.760	58,69%
Đợt 11	61.649	61.629	20			207.340	207.340	29,73%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	4.900	100,00%
Tổng cộng	2.048.289	1.849.909	198.380	28.510	24	2.495.140	2.195.140	82,09%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kê hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận	
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)						Không triệu chứng
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	2	0	0	2	25		148		3		17	5			1			15	
2	BVTN/TTHSTC	400	200	7	1	4	3	109	146	201	31	19	7	18	36			2	2	80	29	91

3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	1	1	2	0	14	54	36	26	3	0	1	10	0	0	0	1	5	2	26
4	BVĐKKVLT	100	100	0	0	0	0	10	65	33	0	0	0	0	10	0	0	0	0	10	0	90
5	BV Nhi ĐN	20	10					0		1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Đồng Nai 2	10	7	2	0	0	0	7	113	0	171	2	0	0	5	7	0	0	0	1	6	3
Tổng cộng (tầng 3)		730	408	12	2	6	5	165	379	419	228	27	7	36	66	7	0	3	3	96	37	243

TẦNG 2

1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	12	18	0	0	179	23	2	1167	2	0	0	7	79	93	5	38	132	4	106
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	10	4	0	0	361	90	0	1070	0	0	0	5	150	70	8	75	156	17	0
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	7	0	1	0	478	66	0	1851	0	0	0	17	92	369	14	130	386	92	22
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	4	0	0	0	343	62	0	1471	0	0	0	4	52	290	0	103	318	5	3
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	13	0	0	0	201	33	0	1005	0	0	0	5	21	175	3	53	196	4	
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	69	61	1	0	686	103	0	4231	0	0	0	15	152	519	13	185	579	19	324
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	55	0	4	0	710	126	1	2934	0	0	0	14	346	350	10	206	452	42	0
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	114	110	0	0	656	38	0	1455	0	0	0	17	181	458	5	135	510	11	-21
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	0	14	0	0	570	23	0	1464	0	0	0	5	380	185	2	163	526	1	92
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	46	93	1	0	705	58	0	2146	0	0	0	25	195	510	5	156	534	15	102
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	46	0	1	0	229	1	0	0	0	0	0	3	80	149	1	21	215	2	
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	1	1	0	0	116	24	0	521	0	0	0	0	90	26	0	7	90	0	0
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	2	13	1	0	53	100	14	232	0	0	0	35	35	10	2	0	12	20	21
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	4	6	0	0	64							1	42	21		34	29	1	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	1	0	0	40	0	0	145	0	0	0	5	28	7	0	0	33	8	110
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	0	4	4	0	19	1	0	0	1	2	2	0	0	2	1	26
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	3	0	4	0	0	0	0	1	3	0	0	0	0		

18	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	69	2	4	0	0	69	113	0	171	2	0	0	5	42	27	4	8	35	22	0
19	Bệnh viện ĐHY Dược Shing Mark	35	35	2	5	2		33	116	0	106	0			2	20	11	0	4	2	0	2
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	1	17	0	0	35	25		128	0	0	0	0	29	6	1	7	27	0	30
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	0	3	0	0	11	16	0	37	0	0	0	5	9	2	0	0	2	4	6
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	0	0	0	0	311								65	242				12	
Tổng cộng (tầng 2)		10527	9161	388	350	11	0	5857	1021	21	20153	5	0	0	172	2093	3522	73	1325	4236	280	3304
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	4309	3834	60	152	15	0	3189	939	12	4297	0	0	0	21	965	2317	16	922	2914	62	547
2	Long Khánh	432	432	0	0	0	0	5	0	0	89	0	0	0	0	0	5	0	0	5	0	427
3	Vĩnh Cửu	4057	3989	30	243	5	0	440	1348	3	6056	0	0	0	0	37	403	3	143	329	4	2705
4	Định Quán	100	89	0	1	0	0	1	42	0	78	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	
5	Tân Phú	60	60	6	0	0	0	6			4					0	6	0	1	5	0	54
6	Trảng Bom	876	876	85	20	2	0	527	1273	2	1745	0	0	0	0	28	499	4	234	284	5	203
7	Thống Nhất	130	140	0	0	2	0	13	73	0	10	0	0	0	0	2	11	0	2	13	0	120
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	13	1	0	0	24	2	0	30	0	0	0	0	10	14	0	1	21	0	176
10	Long Thành	250	250	10	5	0	0	161	35	0	690	0	0	0	0	0	161	1	40	116	4	89
11	Nhon Trạch	3230	3010	98	63	2	0	1655	0	21	3208	0	0	0	35	450	1170	29	420	1210	25	1355
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		13944	12880	302	485	26	0	6021	3712	38	16207	0	0	0	56	1493	4586	53	1763	4898	100	6859
TỔNG TẦNG (3+2+1)		25201	22449	702	837	43	5	12043	5112	478	36588	32	7	36	294	3593	8108	129	3091	9230	417	10406